

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
V- ĐT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **60/2025/DS-ST**
Ngày: 19-8-2025
V/v tranh chấp hợp đồng góp hội.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN V – ĐT**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tám.
2. Ông Phạm Trung Thành.

-Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Liêu - Thư ký Tòa án nhân dân V- ĐT.

Ngày 19 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân V- ĐT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 380/2025/TLST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2025 về tranh chấp hợp đồng góp hội theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2025/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Thanh T** sinh năm 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: Xã M, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:*

+ Chị **Nguyễn Thị N** (tên thường gọi Nguyễn Thị Y) sinh năm 1970 (vắng mặt).

+ Anh **Nguyễn Văn X** sinh năm 1972 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Xã M, tỉnh Đồng Tháp.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Chị **Lê Thị Ngọc T1** sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ: Xã M, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Chị có tham gia 02 dây hội tháng do chị N (tên thường gọi là Y) và chồng là anh X làm chủ thảo, cụ thể:

- Dây hội 1.000.000 đồng, khai lần đầu ngày 19/11/2021 AL, gồm có 20 phần, chị tham gia 01 phần với tên trong danh sách hội là vợ Y và hốt chót được 19.000.000 đồng, trừ huê hồng cho chủ thảo 200.000 đồng, trừ 1.000.000 đồng cho

chị Nhân (Lê Thị Ngọc T1), còn lại 17.800.000 đồng, vợ chồng chị N anh X chưa giao tiền cho chị. Dây hụi này vợ chồng chị N anh X nợ chị 17.800.000 đồng

- Dây hụi 2.000.000 đồng, khai lần đầu ngày 19/8/2022 AL, gồm có 17 phần, chị tham gia 01 phần với tên trong danh sách hụi là vợ Thanh, đóng được 10 lần với số tiền gốc là 9.540.000 đồng, chưa hết. Đến tháng 05/2023 AL hụi bẻ. Dây hụi này vợ chồng chị N anh X nợ chị 9.540.000 đồng.

Nay yêu cầu vợ chồng chị N anh X trả cho chị số tiền hụi là 27.340.000 đồng, yêu cầu trả một lần.

** Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị N (tên thường gọi là Nguyễn Thị Y) và anh Trần Văn X trình bày:*

Vợ chồng anh chị có làm chủ thảo 02 dây hụi tháng, chị T là hụi viên với tên trong danh sách hụi là vợ Thanh do chị T là vợ anh Thanh, cụ thể:

- Dây hụi tháng 1.000.000 đồng (dây 9), khai lần đầu ngày 19/11/2021 AL, giá nền 200.000đồng, gồm có 20 phần, chị T tham gia 01 phần. Chị T được hốt chót với số tiền 19.000.000 đồng trừ huê hồng cho chủ thảo 200.000 đồng/ phần, còn nợ lại 18.800.000 đồng. Tuy nhiên giữa chủ hụi với chị T và hụi viên khác là chị Nhân (tên là Lê Thị Ngọc T1) có thỏa thuận 03 bên giáp mặt nhau và thống nhất là chị T1 sẽ trả cho chị T 1.000.000 đồng nên dây hụi này vợ chồng anh chị chỉ còn nợ chị T 17.800.000 đồng. Việc các bên thỏa thuận chị T1 sẽ trả cho chị T 1.000.000 đồng là không có giấy tờ.

- Dây hụi tháng 2.000.000 đồng (dây 7), khai lần đầu ngày 19/8/2022 AL, giá nền 400.000đồng, gồm có 17 phần, chị T tham gia 01 phần. Chị T đóng được 17 lần với số vốn lãi là 11.860.000 đồng. Đến tháng 5/2023AL hụi bẻ do có nhiều người không đóng hụi nên chúng tôi choàng không nổi. Sau đó giữa chủ hụi với chị T và hụi viên khác là chị Nhân (tên là Lê Thị Ngọc T1) có thỏa thuận 03 bên giáp mặt nhau và thống nhất là chị Nhân sẽ trả cho chị T 2.320.000 đồng nên dây hụi này vợ chồng anh chị chỉ còn nợ chị T 9.540.000 đồng. Việc các bên thỏa thuận chị T1 sẽ trả cho chị T 2.320.000 đồng là không có giấy tờ.

Tổng cộng vợ chồng anh chị nợ chị T là 27.340.000 đồng và đồng ý trả cho chị T 27.340.000 đồng, xin trả dần nhưng chưa biết số tiền cụ thể là bao nhiêu vì có nhiều người nợ tiền hụi vợ chồng anh chị chưa trả.

Vợ chồng anh chị yêu cầu được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án do vợ chồng anh chị bận đi làm và bận trong giữ cháu.

** Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Lê Thị Ngọc T1 trình bày:*

Chị có tham gia 02 dây hụi tháng như chị T trình bày với tên trong danh sách hụi là Nhân và Thiện, do chị N (tên thường gọi là Y) và chồng là anh X làm chủ thảo.

- Dây hụi 1.000.000 đồng, khai lần đầu ngày 19/11/2021 AL, gồm có 20 phần, chị tham gia 01 phần với tên trong danh sách hụi là Nhân.

- Dây hụi 2.000.000 đồng, khai lần đầu ngày 19/8/2022 AL, gồm có 17 phần, chị tham gia 02 phần với tên trong danh sách hụi là Thiện.

Các dây hụi này chị đã hốt hụi nhưng không có khả năng đóng lại hụi chết nên xin trả dần phần vốn mà các hụi viên đã đóng nhưng không có gặp mặt từng hụi viên và không có gặp mặt hay hứa hẹn gì với chị T cả. Tuy nhiên dây hụi 1.000.000 đồng, khai lần đầu ngày 19/11/2021 AL, chị xin chị T trừ cho chị 1.000.000 đồng. Còn dây hụi 2.000.000 đồng, khai lần đầu ngày 19/8/2022 AL, chị không có hứa hẹn gì với chị T cả.

Chị yêu cầu được vắng mặt trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án do chị bận đi làm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các qui định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc vắng đương sự: Chị Nguyễn Thị Thanh T, chị Nguyễn Thị N, anh Trần Văn X, chị Lê Thị Ngọc T1 được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất nhưng vắng mặt và có yêu cầu vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T, chị N, anh X, chị T1.

[2] Về yêu cầu trả số tiền nợ hụi là 27.340.000 đồng: Xét thấy, vợ chồng chị Nguyễn Thị N, anh Trần Văn X thừa nhận còn nợ chị Nguyễn Thị Thanh T và đồng ý trả cho chị T 27.340.000 đồng. Đây là những tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó chị T yêu cầu vợ chồng chị N, anh X trả số tiền nợ hụi là 27.340.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự, các điều 15, 18 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Đối với yêu cầu xin trả dần của bị đơn: Xét thấy, chị N và anh X xin trả dần là nhằm kéo dài thời gian trả nợ, ảnh hưởng đến quyền lợi của chị T và ý kiến này không được chị T đồng ý nên Hội đồng xét xử không chấp nhận ý kiến này của chị N và anh X.

[4] Về án phí: Chị N và anh X liên đới chịu 1.367.000 đồng án phí, chị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 357, 471 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biểu, phường.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh T.

Buộc chị Nguyễn Thị N (tên thường gọi là Nguyễn Thị Y) và anh Trần Văn X trả cho chị Nguyễn Thị Thanh T số tiền 27.340.000 đồng (hai mươi bảy triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng). Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

- Chị Nguyễn Thị N và anh Trần Văn X liên đới chịu 1.367.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị Thanh T 975.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001888 ngày 17/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp).

4. Quyền kháng cáo: Thời hạn kháng cáo bản án là 15 ngày; đối với chị Nguyễn Thị Thanh T, chị Nguyễn Thị N, anh Trần Văn X và chị Lê Thị Ngọc T1 được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND V-ĐT;
- THA DS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Thi